TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 7 - 2020
V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Chung Kim Sang
2. Ông Nguyễn Quốc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Xa L**, sinh năm 1991 (có mặt)
Địa chỉ: Số 10, ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trương Hồ H**, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 43/25 đường N, khu phố 3, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Huỳnh Xa L trình bày:

Bà và ông Trương Hồ H tự quen biết, tìm hiểu nhau, sau đó hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân. Ông bà đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/2013 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất hòa; nguyên nhân là do ông H không chăm lo làm ăn, không quan tâm gia đình, nhiều lần bà đã khuyên nhủ nhưng ông H không thay đổi, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà và ông H đã chính thức sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 15/10/2014 và Trương Thế A1, sinh ngày 15/3/2016, từ khi vợ chồng ly thân thì hai con do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trương Hồ H; về con chung: Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con sau khi ly hôn và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trương Hồ H là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Huỳnh Xa L được ly hôn với ông Trương Hồ H; về con chung: đề nghị giao 02 người con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 15/10/2014 và Trương Thế A1, sinh ngày 15/3/2016 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung bà L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Buộc bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

Bà Huỳnh Xa L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Trương Hồ H; đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trương Hồ H là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; tuy nhiên, ông H không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà L giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc khác, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan;căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] *Nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Hồ H và bà Huỳnh Xa L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/2013 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hậu quả hai bên đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong suốt thời gian này không bên nào thể hiện sự mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, như vậy giữa hai vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, hôn nhân giữa ông H và bà L không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do ông H vắng mặt. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, bà L xác định không còn tình cảm

với ông H nên muốn chấm dứt hôn nhân, Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông H và bà L có 02 người con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 15/10/2014 và Trương Thế A1, sinh ngày 15/3/2016, hiện do bà L trực tiếp chăm sóc, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân thì cháu A và A1 do bà L nuôi dưỡng, về phía ông H không có ý kiến gì đối với việc nuôi dưỡng con; bà L xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con về mọi mặt; ngoài ra để 02 cháu tiếp tục ổn định với sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hiện tại, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 cháu A và A1 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu.

Bà L cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, cũng như ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[3] *Án phí sơ thẩm:* Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Xa L được ly hôn với ông Trương Hồ H.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 15/10/2014 và Trương Thế A1, sinh ngày 15/3/2016 cho bà Huỳnh Xa L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Hồ H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Xa L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009507 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp Rạch Giá;
- THADS Tp Rạch Giá;
- UBND phường V;
- Lưu.